

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ NGOẠI GIAO

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

TRẦN THỊ QUỲNH NGA

**ĐÔNG NAM Á TRONG CHÍNH SÁCH
CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG CỦA MỸ
TỪ 1991 ĐẾN 2012**

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 62 31 02 06

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ

Hà Nội - 2017

Công trình được hoàn thành tại: Học viện Ngoại giao

Người hướng dẫn khoa học:

1- GS.TS. Trần Thị Vinh

2- GS.TS. Nguyễn Thái Yên Hương

Phản biện 1: PGS.TS Dương Văn Quảng
Học viện Ngoại giao

Phản biện 2: PGS.TS Nguyễn Thị Quế
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Phản biện 3: PGS.TS Võ Kim Cương
Viện Sử học, Viện Hàn Lâm KHXH Việt Nam

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
hợp tại.....

.....
Vào hồi giờ ngày tháng năm 2017

Có thể tìm hiểu Luận án tại: - Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Học viện Ngoại giao

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài: Sau Chiến tranh lạnh, châu Á – Thái Bình Dương (CA-TBD) trở thành khu vực phát triển năng động nhất thế giới. Đối với Mỹ, do có nhiều lợi ích quốc gia quan trọng ở khu vực này nên CA-TBD luôn chiếm vị trí quan trọng trên bàn cờ chiến lược toàn cầu của Mỹ. Là một bộ phận không thể tách rời của khu vực CA-TBD, Đông Nam Á (ĐNA) là nhân tố mà Mỹ phải tính đến khi hoạch định chính sách với CA-TBD. Mỹ đánh giá cao hơn mức độ quan trọng của ĐNA trong chính sách CA-TBD của mình do sự phát triển mạnh mẽ của khu vực này cả về lĩnh vực kinh tế thương mại, liên kết chính trị và tầm ảnh hưởng trên trường quốc tế. Thêm vào đó, sự lớn mạnh của đối thủ tiềm tàng Trung Quốc khiến Mỹ lo ngại Trung Quốc sẽ đẩy lùi ảnh hưởng của Mỹ ở khu vực này. ĐNA cũng tồn tại nhiều vấn đề đe dọa đến sự ổn định của khu vực như vấn đề biển Đông, tình hình Myanmar, quá trình dân chủ hóa ở Indonesia... đang tạo ra nhiều bài toán an ninh, kinh tế, thách thức cái gọi là giá trị “tự do, dân chủ, nhân quyền” của Mỹ, buộc Mỹ phải xử lý. Đối với Việt Nam, ĐNA là khu vực quan trọng hàng đầu đối với an ninh quốc gia. Mọi biến động về an ninh chính trị trong khu vực này đều có ảnh hưởng trực tiếp tới môi trường an ninh và phát triển của Việt Nam. Việc xác định rõ vị trí của ĐNA trong tổng thể chính sách CA-TBD của Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh, triển vọng trong thời gian tới có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cao trong việc hoạch định chính sách đối ngoại, an ninh quốc phòng của Việt Nam với tư cách là một nước thuộc khu vực ĐNA.

Vì những lý do nêu trên, chúng tôi chọn đề tài “***Đông Nam Á trong chính sách châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ từ 1991 đến 2012***” là đề tài nghiên cứu của Luận án.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề: Trên cơ sở khảo cứu những tài liệu liên quan đến ba nhóm vấn đề từ sau Chiến tranh lạnh: Chính sách đối ngoại của Mỹ nói chung; chính sách CA-TBD của Mỹ và chính sách của Mỹ đối với khu vực ĐNA, những nội dung nổi bật đã được đề cập đến bao gồm: (i) Kể từ sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, Mỹ đã có những điều chỉnh quan trọng về chính sách đối ngoại trước những chuyển biến nhanh chóng của tình hình thế giới và bản thân nước Mỹ. Đặc biệt trong thập niên đầu thế kỷ XXI, Mỹ đã tiến hành điều chỉnh trọng tâm chiến lược sang khu vực CA-TBD. (ii) Về chính sách CA-TBD của Mỹ, có thể thấy sự tăng cường đầu tư về ngoại giao, kinh tế, chiến lược và các mặt khác của Mỹ tại khu vực này. (iii) Về chính sách của Mỹ đối với khu vực ĐNA, có thể thấy ĐNA là một mắt xích quan trọng tổng thể chính sách CA-TBD của Mỹ. *Tuy nhiên*, ở Việt Nam chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu nào đề cập một cách sâu sắc và toàn diện về sự điều chỉnh chính sách của Mỹ đối với ĐNA, sự thay đổi vị trí của ĐNA trong tổng thể chính sách CA-TBD của Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh, tác động của sự điều chỉnh chính sách này đối với bản thân nước Mỹ, các nước ĐNA và Việt Nam. Đây sẽ là nội dung nghiên cứu chủ yếu của Luận án.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu: Mục tiêu nghiên cứu của Luận án là làm rõ vị trí của ĐNA trong tổng thể chính sách CA-TBD của Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh, chỉ ra bản chất sự điều chỉnh trong chính sách của Mỹ đối với ĐNA từ 1991 đến 2012. Trên cơ sở đó, Luận án đánh giá triển vọng vị trí của ĐNA trong chính sách CA-TBD của Mỹ. Để đạt được mục tiêu nêu trên, Luận án tập trung vào các nhiệm vụ sau: *Thứ nhất*, làm rõ cơ sở hoạch định chính sách CA-TBD của Mỹ sau Chiến tranh lạnh và những nhân tố chủ yếu xác định vị trí của ĐNA trong chính sách CA-TBD của Mỹ. *Thứ hai*, phân tích sự điều

chính sách của Mỹ đối với khu vực ĐNA từ sau Chiến tranh lạnh (theo ba giai đoạn: 1991 – 2000, 2000 – 2008 và 2009 – 2012), từ đó làm rõ vị trí của nhân tố ĐNA trong những tính toán của Mỹ ở CA-TBD. *Thứ ba*, đưa ra những nhận xét về vị trí của ĐNA trong chính sách CA-TBD của Mỹ, tác động của việc điều chỉnh chính sách này đối với Mỹ, ĐNA, Việt Nam và đánh giá về triển vọng vị trí của ĐNA trong chính sách CA-TBD của Mỹ trong những năm tiếp theo.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu: *Đối tượng nghiên cứu* của Luận án là chính sách CA-TBD của Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh đến năm 2012 và vị trí của ĐNA trong tổng thể chính sách CA-TBD. *Về phạm vi thời gian*, từ khi Chiến tranh lạnh kết thúc đến hết nhiệm kỳ đầu của chính quyền B.Obama (1991-2012). *Về phạm vi không gian*, CA-TBD trong khuôn khổ đề tài được giới hạn ở vùng lãnh thổ Đông Á (Đông Bắc Á và Đông Nam Á). Khu vực ĐNA bao gồm 10 nước thành viên ASEAN. *Về lĩnh vực nghiên cứu*, chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực chính là: kinh tế, chính trị - ngoại giao, an ninh – quân sự, dân chủ - nhân quyền.

5. Phương pháp nghiên cứu: Luận án quán triệt quan điểm, nguyên lý phương pháp luận cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và những quan điểm lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về quan hệ quốc tế và đường lối đối ngoại. Về phương pháp, tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành quan hệ quốc tế để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu; đồng thời kết hợp các phương pháp nghiên cứu liên ngành như logic, lịch sử; phân tích (chính sách, lợi ích...), so sánh, tổng hợp, hệ thống, thống kê, đối chiếu v.v...

6. Đóng góp và ý nghĩa thực tiễn của luận án: *Về mặt khoa học*, Luận án là công trình nghiên cứu có hệ thống từ góc độ Việt Nam về vị trí của ĐNA trong chính sách CA-TBD của Mỹ từ 1991 đến 2012. *Về*

thực tiễn, Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu và giảng dạy về chính sách của Mỹ đối với CA-TBD và ĐNA, về quan hệ quốc tế khu vực ĐNA và chính sách của Mỹ đối với khu vực.

7. Kết cấu của Luận án: Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, Luận án bố cục thành 3 chương như sau:

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ CỦA ĐÔNG NAM Á TRONG CHÍNH SÁCH CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG CỦA MỸ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

1.1. Cơ sở lý luận:

1.1.1. Các trường phái lý luận quan hệ quốc tế chi phối việc hoạch định chính sách đối ngoại của Mỹ

1.1.1.1. Chủ nghĩa hiện thực: Tư tưởng cốt lõi của chủ nghĩa hiện thực lấy sức mạnh làm trung tâm và lợi ích quốc gia là cơ sở để giải thích chính sách, bản chất của quan hệ quốc tế là xung đột.

1.1.1.2. Chủ nghĩa tự do: Đề cao hợp tác, sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, coi hòa bình và thịnh vượng là lợi ích quốc gia quan trọng nhất.

1.1.2. ĐNA trong chính sách CA-TBD của Mỹ dưới góc nhìn của chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa tự do: Sau Chiến tranh lạnh, có thể thấy sự lựa chọn chính sách đối ngoại của Mỹ là sự kết hợp của quan điểm *hiện thực* và *tự do*. Trong giai đoạn 1991 – 2012, dấu ấn của chủ nghĩa hiện thực thể hiện rõ nét trong đường lối đối ngoại của hai đời Tổng thống G.H.Bush (1989 – 1992) với chiến lược xây dựng trật tự thế giới mới và G.W.Bush (2001 – 2008) với chiến lược chống khủng bố, chủ nghĩa đơn phương và chủ trương tấn công phủ đầu. Trong khi đó chủ nghĩa tự do ảnh hưởng đến tư duy đối ngoại của Mỹ trong thời kỳ cầm quyền của B.Clinton (1993 – 2000) với chiến lược cam kết và

mở rộng, phát huy “sức mạnh mềm” và B.Obama (2008 – 2012) với chiến lược xoay trục, tái cân bằng, sử dụng “sức mạnh thông minh”. Tuy nhiên không phải lúc nào hai trường phái này cũng phân định rõ ràng, thực tế cho thấy tùy từng thời điểm mà mỗi trường phái lại chiếm ưu thế và chi phối đến việc hoạch định chính sách.

1.1.2.1. Ảnh hưởng của chủ nghĩa hiện thực và tự do đối với chính sách châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh:

Dựa trên những quan điểm chính của chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa tự do, có thể thấy chiến lược đối ngoại của Mỹ đối với khu vực CA-TBD sau Chiến tranh lạnh phù hợp với quan điểm của các nhà hiện thực về chủ nghĩa bá quyền, với nghĩa là nước siêu cường duy nhất trong hệ thống quan hệ quốc tế, có khả năng chi phối tất cả các nước khác, lấy bá quyền chống bá quyền, đồng thời phản ánh rõ nét ảnh hưởng của tư duy tự do khi nhấn mạnh đến hợp tác kinh tế, đề cao các thể chế đa phương có tính ràng buộc cao cũng như chú trọng đến những vấn đề thuộc về giá trị tư tưởng như dân chủ, nhân quyền.

1.1.2.2. Vị trí của Đông Nam Á trong chính sách châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ sau Chiến tranh lạnh nhìn từ chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa tự do:

Từ góc độ của chủ nghĩa hiện thực, Mỹ có lợi ích chiến lược trong việc duy trì cân bằng quyền lực ở ĐNA, thiết lập một trật tự do Mỹ chi phối, kiểm chế các nước đối thủ tiềm tàng, ngăn không cho bất cứ cường quốc nào nổi lên thách thức vai trò và lợi ích của Mỹ ở khu vực... Từ góc độ của chủ nghĩa tự do, Mỹ có lợi ích kinh tế thiết yếu trong việc duy trì và mở rộng quan hệ kinh tế với các nước ĐNA. Tư duy của chủ nghĩa tự do còn biểu hiện rõ nét trong việc Mỹ chủ trương truyền bá “giá trị Mỹ” về dân chủ, tự do, kinh tế thị trường, nhân quyền...

1.2. Cơ sở thực tiễn:

1.2.1 Đông Nam Á trong chính sách châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ thời kỳ Chiến tranh lạnh

Trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản là mục tiêu quan trọng hàng đầu nên Mỹ đã chọn ĐNA mà cụ thể là bán đảo Đông Dương làm nơi thực thi chiến lược “ngăn chặn cộng sản”, trực tiếp can dự vào cuộc chiến tranh Việt Nam trong suốt 20 năm (1954 – 1973). Thời kỳ này, khu vực ĐNA chiếm vị trí trung tâm trong chiến lược toàn cầu của Mỹ. Từ sau năm 1973, với việc giảm hiện diện quân sự tại đây, ĐNA không còn chiếm vị trí trọng tâm trong chính sách CA – TBD của Mỹ. Trong nhiều năm sau đó, các chính quyền Mỹ nối tiếp nhau không chú ý nhiều đến khu vực này trong khi bản thân ĐNA lại có những chuyển biến nhanh chóng về mọi mặt. Mặc dù vậy, có thể khẳng định Mỹ chưa bao giờ từ bỏ CA – TBD, chưa bao giờ từ bỏ ĐNA do có rất nhiều lợi ích chiến lược, nhiều nguy cơ thách thức đến lợi ích của Mỹ tại khu vực này. Nhưng mức độ ưu tiên đối với ĐNA trong chính sách đối ngoại giảm xuống đáng kể để nhường chỗ cho những vấn đề bức thiết hơn.

1.2.2. Những nhân tố chủ yếu xác định vị trí của Đông Nam Á trong chính sách châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh

1.2.2.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực sau Chiến tranh lạnh: Sau Chiến tranh lạnh, CA-TBD trở thành khu vực phát triển năng động nhất thế giới. Vị trí địa chiến lược mang lại cho CA-TBD vai trò quan trọng trong cục diện toàn cầu, đồng thời cũng là nơi mà lợi ích nước lớn đan xen, chông chéo nhiều nhất. Chính tiềm năng kinh tế của khu vực CA-TBD là một trong những nhân tố quan trọng làm cho vị trí của khu vực này tăng lên đáng kể trong tính toán chiến lược của các nước

lớn. Về cục diện an ninh chính trị, khu vực đã hình thành môi trường chiến lược mới hòa bình và tương đối ổn định; các nước lớn trong khu vực đều điều chỉnh chiến lược theo hướng hợp tác và đấu tranh trong cùng tồn tại hòa bình. Tuy nhiên, môi trường an ninh khu vực còn tiềm ẩn nhiều thách thức, trong khi vẫn chưa có một cơ chế hợp tác an ninh chung, có khả năng giải quyết các mâu thuẫn và các vấn đề an ninh đa dạng của khu vực.

1.2.2.2. Thế và lực của Mỹ sau Chiến tranh lạnh: Mặc dù đã suy yếu nhiều sau Chiến tranh lạnh nhưng sức mạnh tổng hợp (kinh tế, quân sự, ngoại giao) của Mỹ vẫn đứng đầu thế giới. Là cực duy nhất còn lại, Mỹ ra sức củng cố vị trí siêu cường, mưu đồ giữ vai trò chi phối thế giới. Tuy nhiên, dù là siêu cường duy nhất với sức mạnh tổng hợp vượt trội, Mỹ không thể chi phối toàn bộ công việc của thế giới và áp đặt ý chí của mình. Sự trỗi dậy của Trung Quốc, sức mạnh còn lại và khả năng phục hồi của Nga, tính độc lập ngày càng cao của Nhật Bản và EU cũng như sự lớn mạnh của Ấn Độ, và đặc biệt là sự hình thành những tập hợp lực lượng chống lại xu thế đơn cực của Mỹ, làm cho Mỹ khó có thể thực hiện được tham vọng của mình.

1.2.2.3. Vị trí của châu Á – Thái Bình Dương trong chiến lược toàn cầu của Mỹ sau Chiến tranh lạnh: Sau Chiến tranh lạnh, các nhà cầm quyền Mỹ xác định CA-TBD là khu vực có vị trí rất quan trọng trong chiến lược toàn cầu và “có ý nghĩa chiến lược ngày càng tăng đối với nền an ninh và sự phồn thịnh của Mỹ”. Về kinh tế, CA-TBD là thị trường rộng lớn với tiềm năng phát triển cao, tạo nên sức hấp dẫn đặc biệt đối với nền kinh tế Mỹ. Về an ninh, Mỹ đang có gần mười vạn quân đồn trú tại các căn cứ quân sự của Mỹ trên lãnh thổ Nhật Bản, Hàn Quốc, Philippines... Năm trong số bảy hiệp ước phòng thủ tay đôi của Mỹ trên thế giới đã được ký với các nước trong khu vực (Nhật

Bản, Hàn Quốc, Philippines, Thái Lan và Australia). Về chính trị, Mỹ có lợi ích chính trị lâu dài tại khu vực mà Mỹ tìm kiếm sự hợp tác nhằm đối phó với những thế lực nổi lên thách thức vị trí siêu cường của Mỹ, cụ thể là Trung Quốc.

1.2.2.4. Lợi ích của Mỹ ở Đông Nam Á: Đối với Mỹ, ĐNA quan trọng ở chỗ: (i) Các trục đường qua ĐNA có quan hệ trực tiếp đến hoạt động quân sự triển khai lực lượng trên hai đại dương: Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, điều động lực lượng triển khai nhanh của Mỹ tới ĐNA và Trung Cận Đông. (ii) Với vị trí liền kề, là cửa ngõ đi vào Trung Quốc, ĐNA trở thành mắt xích quan trọng trong vành đai trực tiếp ngăn chặn kiềm chế bao vây Trung Quốc mà Mỹ đang có ý đồ thiết lập. (iii) Trong cuộc chiến chống khủng bố, ĐNA là địa bàn chiến lược thiết yếu để Mỹ tăng cường khả năng can dự và chống khủng bố trong khu vực. (iv) ĐNA là địa điểm mà thông qua đó Mỹ tìm cách để thiết lập một cơ chế quân sự đa phương hay nói đúng hơn là một liên minh quân sự mới có lợi cho việc điều chỉnh chiến lược toàn cầu của Mỹ. Ngoài ra, ĐNA là một địa điểm Mỹ cần bổ sung trong việc điều chỉnh chiến lược quân sự toàn cầu.

Tuy nhiên, khu vực này cũng tồn tại nhiều nguy cơ đe dọa lợi ích của Mỹ, đó là: (i) Sự trỗi dậy của Trung Quốc có khả năng thách thức lớn nhất đối với ảnh hưởng của Mỹ tại khu vực, cần phải ngăn chặn Trung Quốc chiếm được vị trí bá quyền khu vực. (ii) Những bất ổn tại khu vực ĐNA như sự tồn tại của các nhóm khủng bố, phong trào li khai, tranh chấp chủ quyền, chạy đua vũ trang, vấn đề biển Đông... ảnh hưởng tiêu cực đến lợi ích của Mỹ. (iii) Sự gia tăng vị thế, vai trò và ảnh hưởng của các cường quốc Nga, Ấn Độ, Nhật Bản, EU đối với khu vực có thể hạn chế ảnh hưởng của Mỹ ở đây.

1.2.2.5. Vai trò ngày càng tăng của ASEAN trong cấu trúc an ninh khu vực: Sau Chiến tranh lạnh, vị thế của khối ASEAN trong khu vực CA-TBD và trên trường quốc tế được nâng cao, góp phần hạn chế những mâu thuẫn bên trong và can thiệp từ bên ngoài vào khu vực. Dù chưa trở thành trung tâm quyền lực của khu vực CA-TBD, song các nước trong khối ASEAN có vai trò nhất định trong việc tạo dựng nên cục diện chính trị ở đây. Vai trò của ASEAN trong cấu trúc khu vực thể hiện trên những khía cạnh nổi bật sau: *Một là*, ASEAN là minh chứng tiêu biểu cho xu thế liên kết khu vực toàn diện sau Chiến tranh lạnh ở CA –TBD. *Hai là*, ASEAN chủ động thiết lập cơ chế an ninh mang màu sắc ASEAN. *Ba là*, ASEAN góp phần thúc đẩy tiến trình liên kết khu vực trong bối cảnh quốc tế mới. *Bốn là*, ASEAN đã khởi xướng và thúc đẩy các cơ chế hợp tác mới với các đối tác ngoài khu vực, qua đó khẳng định sự phát triển nhanh chóng về vị thế và tầm quan trọng của mình. Sự phát triển của ASEAN, vai trò ngày càng tăng của tổ chức này trong cấu trúc an ninh khu vực là một trong những nhân tố quan trọng tạo lập nên vai trò của ASEAN trong chính sách đối ngoại của các nước lớn.

Tiểu kết chương 1:

Về cơ bản, chính sách đối ngoại nói chung của Mỹ và chính sách của Mỹ đối với CA-TBD, đối với ĐNA từ sau Chiến tranh lạnh là sự pha trộn giữa hai trường phái lý luận cơ bản là chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa tự do. Hai trường phái này luôn tồn tại song song, thay nhau chiếm ưu thế tùy thuộc vào quan điểm của cá nhân Tổng thống Mỹ và ê kíp hoạch định chính sách dưới chính quyền Tổng thống đó.

Trong chiến lược toàn cầu của Mỹ sau Chiến tranh lạnh, CA – TBD được xác định là nơi Mỹ có lợi ích sống còn. Trong suốt chiều dài lịch sử, ĐNA luôn chiếm vị trí đáng kể trong chính sách CA-TBD

của Mỹ. Điều này được xác định bởi tầm quan trọng của ĐNA trong việc thực hiện mục tiêu chiến lược của Mỹ ở CA-TBD sau Chiến tranh lạnh; xu thế chuyển dịch trọng tâm các vấn đề quốc tế từ châu Âu – Đại Tây Dương sang CA-TBD; việc xác định lợi ích quốc gia của Mỹ ở ĐNA và những nguy cơ đe dọa lợi ích của Mỹ ở khu vực này... Vai trò ngày càng tăng của các nước ĐNA cũng như khối ASEAN trên trường quốc tế cũng là nhân tố quan trọng tác động tới việc định vị ĐNA trong chính sách CA-TBD của Mỹ.

CHƯƠNG 2: ĐỊNH VỊ ĐÔNG NAM Á TRONG CHÍNH SÁCH CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG CỦA MỸ THỜI KỲ SAU CHIẾN TRANH LẠNH (1991 - 2012)

2.1. Chính sách châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ sau Chiến tranh lạnh

2.1.1. Sự điều chỉnh từ chiến lược “vượt trên ngăn chặn” thời G.H.W.Bush sang chiến lược “cam kết và mở rộng” thời B.Clinton (1991 – 2000): Sau Chiến tranh lạnh, tình hình thế giới, khu vực và bản thân nước Mỹ có những thay đổi cơ bản đòi hỏi Mỹ phải đánh giá lại toàn bộ vai trò, lợi ích và chính sách của Mỹ ở CA-TBD. Trong chiến lược “vượt trên ngăn chặn”, xây dựng “trật tự thế giới mới” của chính quyền G.H.W.Bush, CA-TBD được nhận định là khu vực vừa có động lực phát triển kinh tế mạnh mẽ nhưng cũng tiềm ẩn nhiều bất ổn. Trong chiến lược “cam kết và mở rộng” của chính quyền B.Clinton, đại lục địa Âu – Á được coi là trọng tâm với hai cánh là châu Âu – Đại Tây Dương và CA-TBD nhưng trọng điểm vẫn là châu Âu. Chiến lược mới của chính quyền Bill Clinton tiếp tục “cam kết” về vai trò lãnh đạo thế giới, can dự vào công việc và thể chế quốc tế, dẫn dắt nền kinh tế thế giới theo hướng tự do hóa và toàn cầu hóa theo quan điểm Mỹ;

đồng thời “mở rộng”, khuyến khích các cộng đồng tự do, các nền dân chủ, thực chất là khuyến khích mở rộng dân chủ Mỹ, giá trị Mỹ, mô hình Mỹ ra toàn thế giới. Chính sách CA-TBD của Mỹ trong giai đoạn này có những đặc điểm nổi bật như sau: *Một là*, duy trì sự có mặt quân sự lâu dài ở khu vực. *Hai là*, ngăn ngừa các điểm nóng khu vực có nguy cơ bùng nổ thành xung đột vũ trang. *Ba là*, kiểm chế Trung Quốc. *Bốn là*, đẩy mạnh quan hệ với Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước đồng minh, bè bạn. *Năm là*, ủng hộ các sáng kiến an ninh đa phương ở khu vực. *Sáu là*, thúc đẩy các vấn đề dân chủ nhân quyền, mở rộng giá trị dân chủ kiểu Mỹ.

2.1.2. Chiến lược chống khủng bố của Mỹ ở châu Á – Thái Bình Dương trong thời kỳ cầm quyền của G.W.Bush (2001 – 2008): Sau sự kiện 11/9/2001, với việc phát động cuộc chiến chống khủng bố trên phạm vi toàn cầu, chính quyền G.W.Bush đã có sự điều chỉnh quan trọng về mặt chiến lược, đặt khu vực CA-TBD ngang tầm quan trọng với châu Âu – Đại Tây Dương và nhấn mạnh sự tập trung chú ý vào CA-TBD như là một ưu tiên hàng đầu trong chiến lược đối ngoại, quân sự và an ninh. Chính sách CA-TBD của Mỹ giai đoạn này có một số điều chỉnh đáng chú ý như sau: *Một là* điều chỉnh chính sách với Trung Quốc theo hướng vừa kiểm chế vừa hợp tác. *Hai là* chú trọng hơn quan hệ đối với các nước đồng minh ở khu vực, đặc biệt là Nhật Bản. *Ba là* điều chỉnh chính sách đối với Triều Tiên. *Bốn là* điều chỉnh chính sách của Mỹ với ĐNA, coi đây là mặt trận thứ hai trong cuộc chiến chống khủng bố; tăng cường hiện diện quân sự ở khu vực.

2.1.3. Chiến lược “xoay trục” của Mỹ ở châu Á – Thái Bình Dương trong nhiệm kỳ đầu của B.Obama (2009 – 2012): Đối với khu vực CA - TBD, chính quyền Obama có một cách tiếp cận hoàn toàn mới: không những đánh giá cao vai trò vị trí của CA-TBD mà còn nâng lên

một nấc, coi đây là khu vực trọng tâm chiến lược, sánh ngang thậm chí có phần nổi trội hơn châu Âu. Sự thay đổi này được định hình trên hai khía cạnh: *Thứ nhất*, chính quyền Obama xác định Mỹ có những lợi ích đặc biệt quan trọng về kinh tế, an ninh chính trị tại khu vực này. Về lợi ích kinh tế, Mỹ nhận định “không thể tách rời khỏi CA-TBD”. Về lợi ích an ninh chính trị, Mỹ có lợi trong việc duy trì cán cân lực lượng có lợi cho Mỹ ở khu vực, xây dựng mối quan hệ bền vững và toàn diện ở khu vực và thúc đẩy dân chủ nhân quyền kiểu Mỹ. *Thứ hai*, những thách thức Mỹ phải đối mặt tại CA-TBD có liên quan đến an ninh và thịnh vượng của nước Mỹ. Đó là sự lo ngại trước “mối đe dọa Trung Quốc”, các vấn đề an ninh truyền thông, phi truyền thông, vấn đề phổ biến vũ khí hạt nhân, khủng bố, sự cạnh tranh gay gắt trong hầu hết các lĩnh vực đến từ những cường quốc khác trong khu vực. Trong bối cảnh nguồn lực bị suy giảm, chính quyền Obama coi CA-TBD như một khu vực có thể giúp nước này thực hiện được những mục tiêu có tính chất sống còn như: ngăn chặn bá quyền khu vực, giữ cho các con đường hàng hải và hàng không thông suốt, duy trì tiếp cận các nền kinh tế trong khu vực và tình trạng hòa bình ổn định cho giao thương, bảo tồn và tăng cường các mối quan hệ với các nước đồng minh truyền thống và bạn bè trong khu vực.

Chiến lược xoay trục của chính quyền Obama được thực hiện trên cơ sở chính sách “ngoại giao tiến công” (forward-deployed policy) và được triển khai theo 6 nhóm hành động lớn sau: *Thứ nhất*, tăng cường các mối quan hệ đồng minh an ninh song phương với Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, Thái Lan, Philippines. Mỹ coi Nhật Bản là “hòn đá tảng” trong chiến lược xoay trục về châu Á. *Thứ hai*, tăng cường quan hệ với các quốc gia mới nổi là Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Singapore, New Zealand, Malaysia, Mông Cổ, Việt Nam, Brunei và

các quốc đảo tại Thái Bình Dương. Trong đó, mối quan hệ Mỹ - Trung được xác định là nhiều thách thức nhất. *Thứ ba*, tăng cường can dự các thể chế khu vực như ARF, EAS, APEC, Diễn đàn các quốc đảo TBD (PIF), sáng kiến hạ lưu sông Mê Kông (LMI)... *Thứ tư*, mở rộng quan hệ thương mại và đầu tư với khu vực, chủ trương thiết lập một mạng lưới hợp tác kinh tế CA-TBD do Mỹ chủ đạo. *Thứ năm*, tăng cường hiện diện quân sự của Mỹ tại khu vực. *Thứ sáu*, thúc đẩy dân chủ và nhân quyền.

2.2. Vị trí của Đông Nam Á trong chính sách châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ từ khi Chiến tranh lạnh kết thúc đến 2012

2.2.1. Đông Nam Á trong chiến lược “cam kết và mở rộng” của Mỹ ở châu Á – Thái Bình Dương: Chiến lược này khẳng định, lợi ích chiến lược của Mỹ ở ĐNA là tập trung vào việc phát triển các quan hệ kinh tế, an ninh song phương và khu vực, hỗ trợ ngăn chặn và giải quyết xung đột, tăng cường sự tham gia vào tiến trình phát triển kinh tế của khu vực. Trên cơ sở đó, chính sách của Mỹ đối với ĐNA được kết hợp theo hai hướng chính: *Thứ nhất*, duy trì quan hệ ngày càng có hiệu quả với ASEAN và tăng cường đối thoại an ninh trong khuôn khổ Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF). *Thứ hai*, theo đuổi các sáng kiến tay đôi với từng nước ĐNA nhằm thúc đẩy dân chủ nhân quyền và ổn định chính trị; hỗ trợ cải cách kinh tế theo hướng thị trường. Đây có thể coi là sự cụ thể hóa chính sách CA-TBD của Mỹ ở khu vực ĐNA.

2.2.2. Đông Nam Á trong chiến lược chống khủng bố của Mỹ ở châu Á – Thái Bình Dương: Với việc coi ĐNA là mặt trận thứ hai trong cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu, Mỹ đặc biệt nhấn mạnh chính sách quân sự - an ninh trong quan hệ với các nước ĐNA. Mỹ cố gắng làm cho mối quan hệ của mình với các nước ASEAN có đặc điểm mang tính liên kết thành đồng minh quân sự như: ký hiệp ước phòng

vệ chính thức với một số nước ĐNA, duy trì quan hệ đồng minh quân sự, tăng cường sự hiện diện quân sự ở ĐNA, phát triển quan hệ hợp tác quân sự với các nước ĐNA để xây dựng hệ thống an ninh khu vực do Mỹ nắm vai trò chủ đạo. Về tổng thể, chính sách của Mỹ đối với ĐNA không nằm ngoài mục tiêu chiến lược toàn cầu trở thành bá chủ thế giới của Mỹ.

2.2.3. Đông Nam Á trong chiến lược “xoay trục” của Mỹ ở châu Á – Thái Bình Dương: Trong chiến lược CA-TBD dưới thời Tổng thống Obama, khu vực ĐNA được xác định là một trọng tâm, một mắt xích quan trọng trong các mối quan hệ giữa Mỹ với các nước trong khu vực. Vì vậy, Mỹ đặc biệt chú ý đến việc "quay trở lại ĐNA", thắt chặt hơn quan hệ với các nước ĐNA. *Về chính trị - ngoại giao*, chính quyền Obama chủ trương tăng cường hợp tác toàn diện, đề cao mối quan hệ với ASEAN, ủng hộ vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc khu vực đang định hình; tích cực can dự vào các vấn đề nổi cộm của ĐNA như vấn đề sông Mê Kông, vấn đề biển Đông. Ở phương diện song phương, Mỹ chủ trương thúc đẩy quan hệ đồng minh truyền thống với Thái Lan và Philippines; phát triển quan hệ chiến lược với các đối tác mới như Indonesia, Việt Nam và các nước khác trong khu vực và cải thiện quan hệ với Myanmar. *Về an ninh, quân sự*, chính quyền Obama có xu hướng tăng cường sự hiện diện, can dự của Mỹ ở khu vực, tỏ rõ ý đồ muốn cải thiện quan hệ với tất cả các nước ĐNA. đẩy mạnh hợp tác quân sự với các đồng minh và tìm kiếm xây dựng các đối tác mới. Đối với vấn đề biển Đông, Mỹ chủ trương sử dụng sự có mặt quân sự của Mỹ và các liên minh song phương như một nhân tố răn đe đối với các bên trong tranh chấp, đối phó với xung đột nếu xảy ra; hỗ trợ xây dựng năng lực cho các quốc gia ĐNA như Philippines và Việt Nam

nhằm ngăn ngừa căng thẳng ở biển Đông. Về kinh tế, Hiệp định Đối tác xuyên TBD (TPP) có vai trò quan trọng và được ưu tiên hàng đầu.

Qua quá trình thực thi chính sách “xoay trục”, tái can dự tại khu vực ĐNA từ 2009, có thể thấy chính sách ĐNA của chính quyền Obama linh hoạt và thực dụng hơn so với chính sách ĐNA của chính quyền tiền nhiệm. Với việc thực hiện chính sách này, Mỹ đã thành công trong việc bảo vệ và gia tăng lợi ích cũng như ảnh hưởng trong khu vực; phần nào cân bằng lại ảnh hưởng bị suy giảm trong thời gian trước đó. Tuy nhiên, chính sách “xoay trục” tại khu vực cũng bộc lộ một số hạn chế: *Một là*, Mỹ không kiểm chế được các hoạt động gây hấn của Trung Quốc ở biển Đông. *Hai là*, nhận thức về CA-TBD nói chung và khu vực ĐNA nói riêng của Mỹ chưa rõ ràng nên chiến lược CA-TBD của Mỹ chưa có tính khả thi cao. *Ba là*, uy tín của Mỹ đối với khu vực ĐNA chưa được cải thiện và sự phân tâm của các quốc gia châu Á về vai trò lãnh đạo của Mỹ.

Tiểu kết chương 2

Trong vòng hơn hai mươi năm từ sau Chiến tranh lạnh (1991 - 2012), dưới tác động của tình hình thế giới và những diễn biến trong lòng nước Mỹ, Mỹ đã điều chỉnh chiến lược toàn cầu nhằm gia tăng ảnh hưởng đối với nhiều khu vực trọng điểm trên thế giới, trong đó có CA-TBD và ĐNA. Qua những phân tích về vị trí của ĐNA trong chính sách CA-TBD của Mỹ qua các giai đoạn (1991 – 2000, 2001 – 2008, 2009 – 2012) có thể khẳng định, ĐNA có một vị trí quan trọng trong chiến lược CA-TBD của Mỹ. Điều này được lý giải bởi vị trí địa – chiến lược, địa – kinh tế - chính trị của khu vực này. Tuy nhiên, mức độ ưu tiên mà Mỹ dành cho ĐNA trong tổng thể chính sách CA-TBD được điều chỉnh dựa trên sự thay đổi của tình hình quốc tế, khu vực, xác định lợi ích quốc gia của Mỹ trong từng thời kỳ. Các lợi ích của

Mỹ ở ĐNA luôn giữ vai trò quan trọng. Để duy trì vị thế và ảnh hưởng của mình, Mỹ cần tiếp tục coi trọng khu vực ĐNA, thực thi chính sách can dự tích cực, coi đây như địa bàn chiến lược để ngăn chặn sự trỗi dậy thành bá quyền khu vực của Trung Quốc. Một chiến lược cân bằng tốt và được xác định rõ ràng đối với ĐNA là cơ sở cho một chính sách thực tế và lâu dài với châu Á. Nếu không có một cách tiếp cận như vậy, vị thế cường quốc Thái Bình Dương của Mỹ chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ DỰ BÁO VỀ VỊ TRÍ CỦA ĐÔNG NAM Á TRONG CHÍNH SÁCH CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG CỦA MỸ

3.1. Đánh giá về vị trí của Đông Nam Á trong chính sách châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ sau Chiến tranh lạnh

3.1.1. Giai đoạn 1991 – 2000: Sau Chiến tranh lạnh, ĐNA không còn là khu vực có lợi ích sống còn như thời kỳ Mỹ tiến hành chiến tranh Việt Nam. Tuy nhiên, khu vực này vẫn có một ý nghĩa đáng kể trong chiến lược CA-TBD của Mỹ. Đối với ĐNA, Mỹ không còn đóng vai trò là người bảo trợ duy nhất bởi Mỹ tránh can thiệp trực tiếp vào các vấn đề tranh chấp của khu vực như tranh chấp biển Đông, đồng thời Mỹ không có một chính sách rõ ràng cụ thể đối với khu vực. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, chính quyền Clinton đã coi nhẹ ĐNA, thực thi một chính sách thiếu một chiến lược rõ ràng và nhất quán. Hệ quả là ảnh hưởng của Mỹ trong khu vực giảm đi, trong khi ảnh hưởng của Trung Quốc - đối thủ tiềm tàng của Mỹ lại tăng lên do Trung Quốc có chính sách tương đối toàn diện với khu vực này. Theo đó, các mục tiêu của Mỹ đặc biệt là mục tiêu "không để một nước nào nổi lên đe dọa vị trí của Mỹ" bị đặt thành vấn đề nếu như Mỹ không kịp thời có sự điều chỉnh chính sách phù hợp với khu vực.

3.1.2. Giai đoạn 2001 – 2008: Trong giai đoạn này, khu vực ĐNA được Mỹ đánh giá cao hơn trong bối cảnh quốc tế mới. So với giai đoạn trước (1991 – 2000), ĐNA được quan tâm hơn trong chính sách của chính quyền G. W. Bush, tuy nhiên vẫn tồn tại một số hạn chế như sau: (i) do quá chú trọng đến việc chống khủng bố nên Mỹ chú trọng hơn đến chính sách an ninh - quân sự; trong khi đó, về kinh tế và chính trị, ĐNA chưa phải là lợi ích sống còn của Mỹ. (ii) Trong quan hệ đối với ĐNA, Mỹ có xu hướng sử dụng các kênh song phương để theo đuổi mục tiêu chính sách. Sự thiếu vắng một chính sách tổng quát và lối tiếp cận thiên về song phương của Mỹ làm phương hại đến tính hiệu quả trong các nỗ lực giải quyết các vấn đề có quy mô khu vực. (iii) Trong khi Trung Quốc đang gia tăng ảnh hưởng mạnh mẽ tại khu vực thì Mỹ chưa có một chính sách cạnh tranh toàn diện với Trung Quốc. Chính sách của Mỹ không tương xứng với những quyền lợi của Mỹ trong khu vực ĐNA đầy biến đổi này. Những phân tích trên đây và so sánh ĐNA với các khu vực khác có thể thấy rằng, mặc dù trong giai đoạn này Mỹ đã chú trọng nhiều hơn đến ĐNA, nhưng khu vực này vẫn chưa chiếm vị trí ưu tiên trong tổng thể chính sách CA-TBD của Mỹ.

3.1.3. Giai đoạn 2008 – 2012: Có thể khẳng định, trong chính sách “xoay trục” về CA-TBD của Mỹ thì ĐNA chiếm vị trí đặc biệt bởi lẽ ĐNA là địa bàn thử nghiệm chiến lược đối ngoại “sức mạnh thông minh” và “ngoại giao tiến công” của Mỹ. Chính sách đối với ĐNA đã được định hình một cách rõ nét hơn. Với chính sách “xoay trục”, Mỹ nhận thức rằng cần phải tận dụng sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của các nước ASEAN để xây dựng một mạng lưới đồng minh và đối tác nhằm duy trì và củng cố trật tự dựa trên luật lệ để giải quyết hiệu quả các thách thức trong khu vực. Mặc dù vậy, so với các

đối tác trong khu vực CA-TBD như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc thì khu vực ĐNA vẫn chưa có vị trí vượt trội hơn hẳn. Khi nghiên cứu chính sách của Mỹ đối với ĐNA giai đoạn này, có thể thấy đây là phản ứng của Mỹ trước sự tăng cường quan hệ của Trung Quốc với khu vực. Cho tới năm 2008, ảnh hưởng của Trung Quốc dường như bao trùm lên hầu hết khu vực ĐNA, kể cả ở Thái Lan và Philippines – hai đồng minh thân cận nhất của Mỹ ở ĐNA. Đây là điều chưa từng có trong lịch sử ĐNA. Ảnh hưởng của Mỹ thực sự đứng trước nguy cơ bị đẩy lùi khỏi khu vực. Chính vì lo ngại Trung Quốc gia tăng ảnh hưởng ở châu Á mà Mỹ phải tăng cường quan hệ với ĐNA, thực thi chính sách “quay trở lại ĐNA”.

3.1.4. Đánh giá chung: Nhân tố ĐNA luôn tác động đến chính sách CA-TBD của Mỹ qua các thời kỳ, tuy nhiên mức độ tác động đến đâu lại phụ thuộc vào việc xác định lợi ích quốc gia và ưu tiên chiến lược của Mỹ cũng như sức thu hút của nhân tố ĐNA trong từng giai đoạn. Mặt khác, trong khi các nhân tố như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc luôn có vai trò ổn định trong chính sách CA-TBD của Mỹ thì dường như ĐNA lại là nhân tố mang tính không ổn định. Sự thay đổi liên tục về mức độ ưu tiên với ĐNA của các chính quyền Mỹ là cơ sở để các nhà nghiên cứu chính sách đối ngoại Mỹ cho rằng “dù là cường quốc ở Thái Bình Dương nhưng Mỹ vẫn chưa có một chiến lược châu Á toàn diện. Mặc dù Mỹ có tiềm năng sức mạnh lớn trong khu vực, nhưng chính sách của Mỹ không kết nối được các điểm và xây dựng nó thành một chiến lược hợp lý và ăn khớp. Phần còn thiếu cho chiến lược châu Á khôn ngoan chính là một chiến lược lâu dài, nghiêm túc và cân bằng đối với ĐNA”.

3.2. Tác động từ việc điều chỉnh chính sách đối với Đông Nam Á của Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh

3.2.1. Đối với Mỹ

3.2.1.1. Tác động tích cực: (i) Về chính trị ngoại giao, Mỹ đã thay đổi được tình hình từ chỗ để lại “khoảng trống quyền lực” tại ĐNA sau Chiến tranh lạnh đến chỗ “quay trở lại ĐNA”, có vị trí đáng kể đối với khu vực. (ii) Về an ninh quân sự, Mỹ đã mở rộng sự có mặt về quân sự ở ĐNA. (iii) Về kinh tế, đầu tư thương mại với ASEAN không ngừng tăng lên. Mỹ là đối tác có tầm quan trọng chiến lược đối với các nước ASEAN. (iv) Về cạnh tranh chiến lược, Mỹ đã phần nào thực thi được chính sách “bao vây Trung Quốc”, kiềm chế Trung Quốc gia tăng ảnh hưởng ở ĐNA.

3.2.1.2. Tác động tiêu cực: (i) Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại khu vực này ngày càng trở nên quyết liệt, có thể làm phương hại đến lợi ích của Mỹ ở khu vực. (ii) Thúc đẩy các nước lớn trong khu vực CA-TBD như Nhật Bản, Ấn Độ thi hành chính sách tăng cường quan hệ với khu vực ĐNA, tạo thành thách thức tiềm tàng với ảnh hưởng của Mỹ ở ĐNA.

3.2.2. Đối với Đông Nam Á

3.2.2.1. Tác động tích cực: (i) các nước ĐNA có điều kiện nâng cao vai trò, vị thế trong quan hệ với các nước lớn, duy trì vai trò trung tâm và chủ động của ASEAN như là một động lực chủ chốt trong một cấu trúc khu vực mới đang định hình, bảo đảm hòa bình, ổn định cho khu vực cũng như mỗi quốc gia. (ii) Tạo cơ hội thúc đẩy các nước ĐNA phát triển kinh tế và dân chủ hóa xã hội, thúc đẩy liên kết nội khối và hội nhập quốc tế sâu rộng. (iii) Giúp các nước ĐNA nâng cao thực lực quân sự, bảo vệ chủ quyền quốc gia.

3.2.2.2. Tác động tiêu cực: (i) Sự gia tăng chiến lược và can dự của Mỹ đối với ĐNA làm cho các nước trong khu vực lo ngại về khả năng bị can thiệp, kiểm soát và khống chế cả trên đất liền, trên biển và những khu vực trọng yếu ở ĐNA. (ii) Mặc dù chấp nhận việc ASEAN đóng vai trò trung tâm trong các diễn đàn khu vực, nhưng vì mục tiêu và lợi ích chiến lược lâu dài, Mỹ đã tìm cách phân hoá và gây sức ép với ASEAN và các nước thành viên trên một số vấn đề khiến cho sự đoàn kết hợp tác giữa các nước ASEAN và vai trò của tổ chức này trong việc giải quyết các vấn đề an ninh của khu vực gặp nhiều thách thức. (iii) Mỹ đã bán vũ khí trang bị kỹ thuật quân sự hiện đại cho các nước ĐNA đẩy mức độ trang bị quân sự trong vùng không ngừng leo thang. (iv) Mỹ tiếp tục lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền để can thiệp vào nội bộ các nước ĐNA.

3.2.3. Đối với Việt Nam

3.2.3.1. Tính toán lợi ích của Mỹ đối với Việt Nam: Trong tính toán của Mỹ, Việt Nam là một nhân tố quan trọng trong cân bằng chiến lược ở ĐNA và quan hệ với Việt Nam phục vụ lợi ích chiến lược của Mỹ ở CA-TBD. Mỹ cho rằng, Việt Nam có thể tạo nên một đối trọng trong tương lai đối với ảnh hưởng ngày càng lớn của Trung Quốc ở khu vực.

3.2.3.2. Tác động của việc Mỹ điều chỉnh chính sách Đông Nam Á đối với Việt Nam

Tác động tích cực: (i) Tạo ra cơ hội thuận lợi hơn cho Việt Nam trong việc theo đuổi chiến lược đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, "cân bằng" trong quan hệ với các nước lớn; (ii) Việt Nam có cơ hội gia tăng vai trò, vị thế chính trị của mình tại khu vực và trên trường quốc tế; (iii) Tạo cơ hội thuận lợi cho việc thúc đẩy quan

hệ giữa Việt Nam với Mỹ lên tầm cao mới. **Tác động tiêu cực:** (i) Đặt Việt Nam vào “thế khó” trong xử lý quan hệ với các nước lớn; (ii) Việt Nam phải đương đầu với âm mưu “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, nguy cơ bị can thiệp vào công việc nội bộ.

3.3. Dự báo về vị trí của Đông Nam Á trong chính sách châu Á – Thái Bình Dương thời kỳ Donald Trump

3.3.1. Dự báo tình hình khu vực: *Một là*, tầm quan trọng trên mọi lĩnh vực của CA-TBD nói chung và ASEAN nói riêng đối với Mỹ, các nước lớn và với an ninh, phát triển toàn cầu đặt khu vực này vào vị trí trung tâm của toàn cầu. *Hai là*, các cường quốc tiếp tục nổi lên mạnh mẽ, cạnh tranh ảnh hưởng ở khu vực, nhất là Trung Quốc và Ấn Độ, sự trở lại của Nga, sự mở rộng ảnh hưởng toàn diện của Nhật Bản. Mỹ tiếp tục nắm ảnh hưởng chi phối với tình hình trên toàn khu vực, tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng sẽ bị thu hẹp dần trước sự vroom lên của nhiều đối thủ cạnh tranh. *Ba là*, cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc ngày càng quyết liệt, ảnh hưởng sâu sắc tới tình hình tại CA-TBD nói chung và khu vực ĐNA nói riêng. *Bốn là*, mặc dù khu vực ĐNA khó tăng trưởng nhanh như các thập kỷ trước nhưng ASEAN tiếp tục là nhân tố quan trọng đối với hòa bình, ổn định, hợp tác ở khu vực. *Năm là*, vấn đề biển Đông tiếp tục là điểm nóng trong khu vực, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất ổn định, khó lường trong khu vực.

3.3.2. Dự báo chính sách châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ: Mỹ sẽ tiếp tục tăng cường can dự nhằm đảm bảo các lợi ích về chiến lược, kinh tế, thương mại và đầu tư ở khu vực, bao gồm cả việc triển khai “sức mạnh mềm”, phổ biến các giá trị Mỹ. Tuy nhiên, sự suy giảm nhất định về thế và lực của Mỹ và tác động của tình hình khu vực khiến cho Mỹ ít có khả năng thực hiện chính sách đơn phương.

3.3.3. Dự báo về vị trí của Đông Nam Á trong chính sách châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ: Hiện tại, chính quyền D.Trump chưa đưa ra một đường lối đối ngoại chính thức đối với CA-TBD và ĐNA. Tuy nhiên, qua một số động thái gần đây và xét về mặt lợi ích của Mỹ ở ĐNA, có thể dự báo chính sách của Trump đối với ĐNA như sau: *Về chính trị*, Mỹ tiếp tục duy trì ảnh hưởng đối với từng nước ĐNA với các mức độ khác nhau nhằm tạo nên vị thế có lợi nhất cho Mỹ trong nội bộ ASEAN. *Về quân sự*, Mỹ tiếp tục tăng cường sự trở lại ĐNA thông qua việc duy trì các liên minh song phương đã có. *Về kinh tế*, Mỹ tiếp tục thúc đẩy thương mại và đầu tư để mở rộng ảnh hưởng của mình đối với các nước ĐNA thông qua các thỏa thuận thương mại song phương, đa phương và các diễn đàn kinh tế trong khu vực. Dự báo trong ngắn hạn và trung hạn, vị trí của ĐNA trong ưu tiên chính sách của Mỹ sẽ không có nhiều thay đổi. ĐNA sẽ tiếp tục là mắt xích không thể thiếu, có vị trí đáng kể trong chính sách CA-TBD của Mỹ.

Tiểu kết chương 3

Từ sau Chiến tranh lạnh đến nay, ĐNA luôn có vị trí quan trọng trong chính sách CA-TBD của Mỹ, tuy nhiên mức độ ưu tiên lại phụ thuộc vào xác định lợi ích quốc gia của Mỹ cũng như bối cảnh thế giới, khu vực trong từng giai đoạn. ĐNA có được vị trí đó không chỉ vì vị trí địa chiến lược, địa kinh tế quan trọng mà còn do những yếu tố nội tại của khu vực, do tiến trình phát triển của chính các nước trong khu vực và sự trưởng thành của ASEAN. Từng nước ĐNA riêng lẻ có thể không đóng vai trò lớn trong chính sách của Mỹ nhưng với tư cách là một tổ chức khu vực thì ASEAN lại là đối tượng Mỹ cần tính đến trong chính sách đối với khu vực CA-TBD nói chung và ĐNA nói riêng. Bản thân các nước ĐNA cũng như khối ASEAN đều biết tận

dụng sự điều chỉnh trong chính sách của Mỹ đối với khu vực theo hướng tích cực để phát triển và nâng cao vị thế của mình trên trường quốc tế. Thực tế cho thấy, khu vực ĐNA nói riêng và CA-TBD nói chung là khu vực địa chính trị - chiến lược quan trọng không thể bỏ qua trong tính toán chiến lược của một cường quốc lớn như Mỹ. Vì vậy, Mỹ sẽ tiếp tục thực thi chính sách duy trì ảnh hưởng đối với từng nước ĐNA với các mức độ khác nhau nhằm tạo nên vị thế có lợi nhất cho Mỹ ở khu vực.

KẾT LUẬN

Thứ nhất, mục tiêu của Mỹ ở CA-TBD là không cho bất kỳ một quốc gia riêng lẻ hay một liên minh nào nổi lên thống trị khu vực. Dù thay đổi tên gọi, nội hàm, cách thức, phương tiện triển khai thì CA-TBD vẫn luôn là một trọng tâm trong chiến lược toàn cầu của Mỹ. **Thứ hai**, ĐNA là một bộ phận trong tổng thể chính sách CA-TBD của Mỹ; luôn giữ một vai trò quan trọng trong chiến lược CA-TBD của Mỹ thời kỳ sau Chiến tranh lạnh. Mặc dù có nhiều lợi ích tại các khu vực khác, nhưng ĐNA và các nước ASEAN là nơi hội tụ các lợi ích, nơi nắm giữ một phần tương lai của Mỹ như các nhà hoạch định chính sách của Mỹ đã nhận định. Tuy vậy, chính sách của Mỹ đối với ĐNA chưa nhất quán, thay đổi liên tục qua mỗi thời kỳ Tổng thống Mỹ. **Thứ ba**, việc Mỹ điều chỉnh chính sách đối với ĐNA đã tác động đáng kể tới chính bản thân nước Mỹ, khu vực ĐNA và tới một số nước lớn trong khu vực CA-TBD. **Thứ tư**, về triển vọng có thể khẳng định, dù đánh giá từ phương diện nào, khu vực CA-TBD, trong đó có ĐNA, luôn có ảnh hưởng lớn đối với Mỹ. Do vậy, các chính quyền kế tiếp ở Mỹ, trước hết là chính quyền của Tổng thống D. Trump hiện nay, về hình thức, dù có sự điều chỉnh chính sách đối với CA-TBD như thế nào nhưng nội dung cốt lõi

trong việc tìm kiếm lợi ích tại khu vực châu Á - TBD của Mỹ sẽ vẫn được duy trì, do khu vực này có vị trí hết sức quan trọng đối với chính trị và kinh tế của Mỹ. *Thứ năm*, đối với Việt Nam, là một thành viên của ASEAN, Việt Nam có vị trí đáng kể trong chính sách ĐNA của Mỹ. Một số gợi ý cho chính sách đối ngoại của Việt Nam như sau: *Về chính sách đối ngoại nói chung*, tiếp tục thực hiện chủ trương đường lối của Đảng, kết hợp chặt chẽ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế với yêu cầu giữ vững an ninh, quốc phòng, thông qua hội nhập để tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia, nhằm củng cố chủ quyền và an ninh của đất nước; cảnh giác với những mưu toan thông qua hội nhập để thực hiện ý đồ “diễn biến hòa bình” đối với nước ta. Luôn đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên hàng đầu trong các chính sách; tăng cường phát triển đất nước về mọi mặt, kết hợp phát triển kinh tế với bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia; tăng cường đoàn kết, thiết lập quan hệ ngoại giao với các quốc gia láng giềng. *Về chính sách đối với Mỹ*, tăng cường hợp tác với Mỹ trong các lĩnh vực như kinh tế và thương mại, chủ động đối thoại, tranh thủ vai trò và tiếng nói của Mỹ trong các diễn đàn đa phương trong việc ủng hộ lập trường của Việt Nam về vấn đề Biển Đông. Đồng thời kiên quyết đấu tranh với Mỹ về những vấn đề như lợi dụng chiêu bài tự do ngôn luận, tôn giáo, dân chủ và nhân quyền để công kích chế độ; cảnh giác với mối quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc để tránh rơi vào tình huống các nước lớn vì lợi ích của mình mà thỏa hiệp, xâm hại lợi ích của Việt Nam.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ

1. Trần Thị Quỳnh Nga (2017), “Chính sách can dự của ASEAN và quá trình cải cách ở Myanmar”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 3 (204)/2017.
2. Trần Thị Quỳnh Nga (2017), “Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á sau Chiến tranh lạnh”, Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc*, số 3(187)/2017.
3. Trần Thị Quỳnh Nga (2017), “Vấn đề biển Đông trong chính sách châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ sau Chiến tranh lạnh”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 2 (109), tháng 6/2017.
4. Trần Thị Quỳnh Nga (2017), “Định vị Đông Nam Á trong chính sách châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ sau Chiến tranh lạnh: Triển vọng đến 2020”, Tạp chí *Tuyên giáo*, số 6/2017.